Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3916.20.10

Mã HS	3916.20.10
Mô tả hàng hóa	Plastic dạng sợi monofilament có kích thước mặt cắt ngang bất kỳ trên 1 mm, dạng thanh, que và các dạng hình, đã hoặc chưa gia công bề mặt, nhưng chưa gia công cách khác / - Từ các polyme từ vinyl clorua: / - - Sợi monofilament
Đơn vị	kg/m
Thời điểm tạo	11/11/2026 20:13:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/39162010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5901
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5901
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5901
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5707
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5668
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5668
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5668
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5668
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5668
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5668
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5712
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5712

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5712
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5712
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5712
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5712
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5710
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5710
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5710
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5710
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5710
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5710
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5712
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5674
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5670
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5670
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5670
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5670
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5670
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5670
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5681
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5681
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5681
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5681
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5681
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5681
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5720
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5720
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5720
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5720
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5720
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5721
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5721
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5721
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5721
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5721
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5721
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5724
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5724
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5724
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5724
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5724
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5724
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5693
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5693
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5693
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5693
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5693
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5693
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5695
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5695
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5695
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5695

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5695
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5695
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5693
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5693
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5693
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5693
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5693
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5693
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5693
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5714
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5714
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5714
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5714
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5714
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5714
RCEP B	2022	2022	0	B!D5714
RCEP B	2023	2023	0	B!E5714
RCEP B	2024	2024	0	B!F5714
RCEP B	2025	2025	0	B!G5714
RCEP B	2026	2026	0	B!H5714
RCEP B	2027	2027	0	B!I5714
RCEP C	2022	2022	0	C!D5714
RCEP C	2023	2023	0	C!E5714
RCEP C	2024	2024	0	C!F5714
RCEP C	2025	2025	0	C!G5714
RCEP C	2026	2026	0	C!H5714

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5714
RCEP D	2022	2022	0	D!D5714
RCEP D	2023	2023	0	D!E5714
RCEP D	2024	2024	0	D!F5714
RCEP D	2025	2025	0	D!G5714
RCEP D	2026	2026	0	D!H5714
RCEP D	2027	2027	0	D!I5714
RCEP E	2022	2022	0	E!D5717
RCEP E	2023	2023	0	E!E5717
RCEP E	2024	2024	0	E!F5717
RCEP E	2025	2025	0	E!G5717
RCEP E	2026	2026	0	E!H5717
RCEP E	2027	2027	0	E!I5717
RCEP F	2022	2022	0	F!D5714
RCEP F	2023	2023	0	F!E5714
RCEP F	2024	2024	0	F!F5714
RCEP F	2025	2025	0	F!G5714
RCEP F	2026	2026	0	F!H5714
RCEP F	2027	2027	0	F!I5714
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F5265
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G5265
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H5265
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I5265

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3916.20 có 2 dòng thuế; dòng 3916.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Sợi monofilament.	3916.20.20 Dạng thanh, que và các dạng hình	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3916.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3916.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5901), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.